

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 1/2017  
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

| STT       | HỌ TÊN              | ĐƠN VỊ      | Tổng thu nhập chịu thuế/Quý | Các khoản giảm trừ/ Quý |                 |                       | Thu nhập tính thuế/quý | Số thuế phải nộp/quý | Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2017 | Số thuế chênh lệch | Ký Nộp |
|-----------|---------------------|-------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------|--------|
|           |                     |             |                             | Bản thân                | Người phụ thuộc | Trừ bảo hiểm bắt buộc |                        |                      |                                       | Phải nộp thêm      |        |
| 1         | Chung Trần Thế Vinh | Khoa Cơ Khí | 58.458.019                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.738.845             | 18.919.174             | 1.141.917            | -                                     | 1.141.917          |        |
| 2         | Nguyễn Tiến Nhân    | Khoa Cơ Khí | 39.501.848                  | 27.000.000              | -               | 1.576.359             | 10.925.489             | 546.276              | -                                     | 546.276            |        |
| 3         | Nguyễn Tam Cương    | Khoa Cơ Khí | 41.508.522                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.733.700             | 1.974.822              | 98.742               | -                                     | 98.742             |        |
| 4         | Nguyễn Duy Hải      | Khoa Cơ Khí | 32.037.776                  | 27.000.000              | -               | 1.168.605             | 3.869.171              | 193.458              | -                                     | 193.458            |        |
| 5         | Dương Thị Hồng      | Khoa Cơ Khí | 28.115.511                  | 27.000.000              | -               | 915.776               | 199.735                | 9.987                | -                                     | 9.987              |        |
| 6         | Trần Đình Khải      | Khoa Cơ Khí | 61.901.930                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.366.233             | 22.735.697             | 1.523.571            | -                                     | 1.523.571          |        |
| 7         | Đỗ Thị Phương Khanh | Khoa Cơ Khí | 52.725.480                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 2.073.648             | 12.851.832             | 642.591              | -                                     | 642.591            |        |
| 8         | Bùi Anh Tuấn        | Khoa Cơ Khí | 31.952.676                  | 27.000.000              | -               | 1.112.958             | 3.839.718              | 191.985              | -                                     | 191.985            |        |
| 9         | Võ Thị Lệ Trân      | Khoa Cơ Khí | 30.192.495                  | 27.000.000              | -               | 1.017.672             | 2.174.823              | 108.741              | -                                     | 108.741            |        |
| TỔNG CỘNG |                     |             |                             |                         |                 |                       | 77.490.461             | 4.457.268            | -                                     | 4.457.268          |        |

**Tổng cộng thuế phải nộp thêm:** 4.457.268 (Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng)

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 19 tháng 08 năm 2017  
HIỆU TRƯỞNG

Lê Hữu Nhân

Nguyễn Kính

Phạm Hữu Lộc